

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 7 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H.
2. Ông Nguyễn Thành P.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phan Thị D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị H , sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp V , xã V , huyện T , tỉnh A .

2. Bị đơn: ông Đinh Phi H , sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp V , xã V , huyện T , tỉnh A .

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 13/6/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày: bà H với ông H tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V , huyện T , tỉnh A và được UBND xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 30/7/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Đinh H , sinh ngày 07/02/2010. Đến cuối năm 2010, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh

H có quan hệ ngoại tình, mặc dù bà H nhắc nhở nhưng ông H vẫn không khắc phục mà lại còn đánh đập bà H . Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm. Đến tháng 6 năm 2021, bà H đã gửi đơn đến Tòa án để yêu cầu ly hôn với ông H . Sau đó, bà H rút lại đơn khởi kiện vì suy nghĩ cháu Y còn nhỏ, nếu vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của con. Tuy nhiên, sau khi rút đơn khởi kiện thì mâu thuẫn vợ chồng vẫn trầm trọng nên bà H và ông H đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay. Do không còn tình cảm với ông H nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Phi H .

Về con chung: có một con chung tên Đinh H , sinh ngày 07/02/2010, được bà H nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Yến, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 13 tháng 6 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đinh Phi H trình bày: ông H với bà H tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V , huyện T , tỉnh A ngày 30/7/2003. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Đinh H , sinh ngày 07/02/2010. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Ông H làm tài xế taxi, thường xuyên vắng nhà nên bà H ghen tuông, dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình. Ông H thừa nhận khi tức giận có đánh đập bà H .

Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông H không đồng ý, vì ông vẫn còn tình cảm với bà H . Về con chung: mặc dù ông H không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho bà H ly hôn với ông H thì ông yêu cầu được nuôi con; không yêu cầu bà H cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Đinh Phi H .

- + Về quan hệ con chung: giao cháu Y cho bà Huỳnh Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H không cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.
- + Về án phí: bà H yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đinh Phi H có địa chỉ tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị H và ông Đinh Phi H chung sống với nhau từ năm 2002, sau đó thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nên được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 49, ngày 30/7/2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà H và ông H phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà H thấy rằng: bà H và ông H chung sống với nhau từ năm 2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà H cho rằng ông H có quan hệ ngoại tình, đánh đập bà H, từ đó bất hòa trong đời sống vợ chồng. Đến tháng 3 năm 2022, bà H về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Bị đơn ông Đinh Phi H cho rằng, mặc dù ông có đánh bà H nhưng vợ chồng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

[2.2] Qua xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của bà H và ông H, được đại diện Ban ấp V, xã V, huyện T cung cấp như sau: ông H và bà H chung sống tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A và có một con chung tên Đinh H, sinh năm 2010. Quá trình chung sống, ông H và bà H có phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại bà H đã qua nhà cha mẹ ruột sinh sống.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, đến năm 2021 bà H đã gửi đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông H nhưng do cháu Y còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cha mẹ nên bà H đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ thời gian đó đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà H tiếp tục yêu cầu ly hôn với ông H. Tại phiên tòa, bà H vẫn nhất quyết ly hôn với ông H. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị H.

[3] Về quan hệ con chung: bà H và ông H có 01 con chung tên Đinh H . Bà H và ông H đều yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, từ khi bà H và ông H ly thân, cháu Y được bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và cho học hành ổn định. Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng của cháu Y lập ngày 13/6/2022 thì cháu muốn được sống chung với mẹ. Do vậy, để ổn định cuộc sống và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của cháu Yến; căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H ; giao cháu Đinh H cho bà H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Huỳnh Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H .

1.1. Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Đinh Phi H .

Giấy chứng nhận kết hôn số 49, ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân xã V , huyện T , tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: giao cháu Đinh H, sinh ngày 07/02/2010 cho bà Huỳnh Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu Y đang sống chung với bà H). Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Huỳnh Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đinh Phi H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Huỳnh Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009164 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A (bà H đã nộp xong).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Đề thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H